

QUYẾT ĐỊNH
Về việc đặt số hiệu đường tỉnh tỉnh Bắc Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/2/2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 117/2021/NĐ-CP ngày 22/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/2/2010;

Căn cứ Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 12/TTr-SGTVT ngày 28/02/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đặt số hiệu đường tỉnh tỉnh Bắc Giang gồm 40 tuyến sau: ĐT.242, ĐT.248, ĐT.288, ĐT.289, ĐT.289B, ĐT.289C, ĐT.290, ĐT.290B, ĐT.291, ĐT.291B, ĐT.291C, ĐT.292, ĐT.292B, ĐT.292C, ĐT.293, ĐT.293B, ĐT.293C, ĐT.293D, ĐT.294, ĐT.294B, ĐT.294C, ĐT.294D, ĐT.295, ĐT.295B, ĐT.295C, ĐT.296, ĐT.296B, ĐT.296C, ĐT.297, ĐT.297B, ĐT.298, ĐT.298B, ĐT.299, ĐT.299B, ĐT.299C, ĐT.299D, ĐT.398, ĐT.398B, ĐT.398C, ĐT.398D; tổng chiều dài khoảng 1.126Km (*chi tiết có Phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Sở Giao thông vận tải tổ chức quản lý, bảo trì các tuyến đường được đặt số hiệu tại Điều 1 hiện tại đã có và các tuyến đường quy hoạch sau khi đầu tư hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng (*trừ các đoạn đi trùng với đường đô thị do UBND các huyện, thành phố quản lý*).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan trực thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Tổng cục ĐBVN;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- MTTQ và các Đoàn thể ND;
- Các thành viên UBND tỉnh;
- Báo Bắc Giang, Đài PT-TH tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- + LĐVP, TH, KTTH, KTN;
- + Lưu: VT, KTN^{Hiệu}.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Ô Pích

PHỤ LỤC
SỐ HIỆU CÁC TUYẾN ĐƯỜNG TỈNH, TỈNH BẮC GIANG
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 3 năm 2022
của UBND tỉnh Bắc Giang)

Stt	Số hiệu đường		Chiều dài khoảng (Km)	Cấp kỹ thuật quy hoạch	Điểm đầu – Điểm cuối
	Số hiệu cũ	Số hiệu mới			
1	ĐT.242	ĐT.242	6,0	Cấp III	TT. Bồ Hạ - Đèo Cà
2	ĐT.248	ĐT.248	26,0	Cấp III	Phong Vân - Sa Lý
3	ĐT.288	ĐT.288	17,85	Cấp III	Đông Lỗ - Hoàng Vân
4	ĐT.289	ĐT.289	36,0	Cấp III	Bình Sơn - Đèo Cóc
5		ĐT.289B	38,0	Cấp III	Cương Sơn - Kiên Lao
6		ĐT.289C	48,0	Cấp III	Kiên Thành - Tân Sơn
7	ĐT.290	ĐT.290	14,1	Cấp III	Hồng Giang - Phong Vân
8		ĐT.290B	26,0	Cấp II	Tam Dị - Hồng Giang
9	ĐT.291	ĐT.291	27,4	Cấp III	Yên Định - Đồng Rì
10		ĐT.291B	30,0	Cấp III	Nam Dương - Yên Định
11		ĐT.291C	33,0	Cấp III	Cắm Đàn - Vân Sơn
12	ĐT.292	ĐT.292	19,0	Cấp III và Đô thị	Kép - TT. Phồn Xương
13		ĐT.292B	22,0	Cấp III	Song Vân - TT.Vôi
14		ĐT.292C	37,0	Cấp III	Bến Lường - Thiện Kỳ
15	ĐT.293	ĐT.293	107,0	Cấp III và Cấp II	Tp. Bắc Giang - Dương Hưu
16		ĐT.293B	30,0	Cấp III	Lão Hộ - Tân Sỏi
17		ĐT.293C	31,4	Cấp III và Cấp II	Trường Sơn - Đông Hưng
18		ĐT.293D	11,0	Cấp III	Mục - Đèo Kiếm
19	ĐT.294	ĐT.294	15,0	Cấp III	Tân Sỏi - Phúc Sơn
20		ĐT.294B	52,0	Cấp III và Cấp II	Việt Tiên - Canh Nậu
21		ĐT.294C	22,0	Cấp III	Cao Thượng - Đồng Hưu
22		ĐT.294D	12,0	Cấp III	Tam Hiệp - Phú Bình
23	ĐT.295	ĐT.295	70,0	Cấp III và Đô thị	TT. Đồi Ngô - Đông Xuyên
24	ĐT.295B	ĐT.295B	23,8	Cấp III và Đô thị	Tân Xuyên - Đáp Cầu
25		ĐT.295C	16,0	Cấp III	Tràng - Bách Nhẫn

Stt	Số hiệu đường		Chiều dài khoảng (Km)	Cấp kỹ thuật quy hoạch	Điểm đầu – Điểm cuối
	Số hiệu cũ	Số hiệu mới			
26	ĐT.296	ĐT.296	9,5	Cấp III	TT. Thắng - Cầu Vát
27		ĐT.296B	12,0	Cấp II	TT. Thắng - Mai Đình
28		ĐT.296C	18,0	Cấp II	Hoàng An - Hòa Sơn
29	ĐT.297	ĐT.297	8,0	Cấp III	Lữ Vân - Dĩnh
30		ĐT.297B	16,0	Cấp III	Hương Mai - Phúc Sơn
31	ĐT.298	ĐT.298	26,0	Cấp III và Đô thị	Tân Trung - Phúc Lâm
32		ĐT.298B	18,0	Cấp III, cấp II và Đô thị	Hồng Thái - cầu Hà Bắc 1
33	ĐT.299	ĐT.299	20,0	Cấp III	Thái Đào - Đồng Việt
34	ĐT.299B	ĐT.299B	37,0	Cấp III	Quang Thịnh - Trí Yên
35	Nhánh 1 ĐT.293	ĐT.299C	11,7	Cấp III	Lan Mẫu - Đan Hội
36		ĐT.299D	8,6	Cấp II và Đô thị	Cảnh Thụy - cầu Đồng Việt
37		ĐT.398	48,0	Cấp II và Đô thị	Xuân Cẩm - Vành đai V
38		ĐT.398B	45,0	Cấp III và Cấp II	Hương Sơn – Đông Lỗ
39		ĐT.398C	39,0	Cấp III	Quang Châu - Hương Sơn
40		ĐT.398D	39,0	Cấp III	Quang Châu - Hương Sơn
Tổng:			1.126,35		